TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 570/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) ;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 499/2026/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Nguyễn Thành P, sinh ngày 31/12/1986

Căn cước công dân số 079086xxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021

Thường trú: Đường B, phường P (trước ngày 01/7/2025 là Khu phố 1, phường P, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà Trần Thị Nhơn A, sinh ngày 07/7/1993

Căn cước công dân số 092193xxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021

Thường trú: Đường B, phường P (trước ngày 01/7/2025 là Khu phố 1, phường P, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số xx do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 9 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2018.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02/4/2026, ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A xác định không có.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A xác định không có.

1.3 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

1.4 Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015894 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thành P và bà Trần Thị Nhơn A đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Thủy